**MÔN TIẾNG VIỆT – Tiết 177**

**Bài 15: XUỒNG BA LÁ QUÊ TÔI (Tiết 2)**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ CÂU GHÉP**

*Ngày thực hiện: 13/3/2025*

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1.Kiến thức, kỹ năng**

- Củng cố kiến thức và phát triển kĩ năng liên kết các câu trong đoạn văn, qua đó phát triển kĩ năng viết nói chung, kĩ năng tạo lập văn bản nói riêng.

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực đặc thù:***

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

***2.2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

# III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

## 1.Phương pháp

* Phương pháp vấn đáp
* Phương pháp làm việc nhóm

## 2.Kỹ thuật

* Chia sẻ nhóm đôi

- Động não

**IV. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi: ***Chiếc hộp âm nhạc.*** - GV nêu cách chơi: HS chuyền tay nhau chiếc hộp có chứa các câu hỏi đồng thời nghe bài hát. Khi bài hát dừng chiếc hộp ở tay bạn nào thì bạn ấy trả lời câu hỏi. (Nếu HS nào chưa có câu trả lời thì có thể chuyển hộp nhạc cho bạn ngồi bên cạnh để tiếp tục trả lời câu hỏi.) + Câu hỏi 1: Có mấy cách liên kết câu trong đoạn văn, là những cách nào?+ Câu hỏi 2: Các câu văn sau được liên kết bằng hình thức nào? *Quả sim giống hệt một con trâu mộnG bé tí hon, béo tròn múp míp, còn nguyên cả lông tơ, chỉ thiếu chiếc khoáy. Cái sừng trâu là cái tai quả, nó chính là đài hoa đã già.* (Theo Băng Sơn)  - GV nhận xét, tổng kết trò chơi.  - GV giới thiệu vào bài mới.  - Ghi bảng | - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe cách chơi và trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe và trả lời câu hỏi. + Đáp án: Có 3 cách liên kết câu: liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ, liên kết câu bằng từ ngữ nối, liên kết câu bằng từ ngữ thay thế. + Đáp án: Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ  - HS lắng nghe  - HS ghi tên bài vào vở |
| **2. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + HS nhận biết được các cách liên kết câu trong từng đoạn văn cụ thể (bài tập 1);  + Biết chọn đúng từ ngữ đã cho điền vào chỗ trống để liên kết các câu văn cụ thể (bài tập 2);  + Thực hành viết đoạn văn theo chủ đề, trong đó có sử dụng từ ngữ nối để liên kết câu (bài tập 3).  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 1: Các câu trong những đoạn văn dưới đây liên kết với nhau bằng cách nào?**  (Theo Ay Dun và Lê Tấn)  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:  - GV mời cả lớp làm việc nhóm 2 theo phiếu bài tập sau:    - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + Đoạn văn b: Các câu 1 và 2 liên kết với nhau qua từ sư tử, võ. Các câu 2, 3 và 4 liên kết với nhau qua từ đười ươi, khỉ. Các câu 3 và 4 liên kết với nhau bằng cách thay từ sư tử bằng cụm từ con thú dữ  - GV nhận xét kết luận và tuyên dương.  **Bài 2. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để liên kết các câu trong đoạn văn.**  *(người anh, hai anh em, hai vợ chồng người em, nhưng)*  Ngày xửa ngày xưa ở một nhà kia có hai anh em, cha mẹ mất sớm. ........... chăm lo làm lụng nên trong nhà cũng đủ ăn. .......... từ khi có vợ, người anh sinh ra lười biếng, bao nhiêu công việc khó nhọc đều trút cho vợ chồng người em. .......... thức khuya, dậy sớm, cố gắng làm lụng. Thấy thế, ......... sợ em tranh công, liền bàn với vợ cho hai vợ chồng người em ra ở riêng.  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:  - GV mời cả lớp làm việc nhóm 2  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + Đoạn văn này đã dùng những cách liên kết câu nào?  + Từ ngữ nào cho em biết điều đó?  - GV nhận xét kết luận và tuyên dương.  **Bài 3. Viết đoạn văn (4 – 5 câu) giới thiệu về một phương tiện đi lại của người dân ở vùng sông nước, trong đó có sử dụng từ ngữ nối để liên kết câu hay nhất với dàn ý chi tiết giúp học sinh có thêm tài liệu tham khảo để viết văn hay hơn.**  - YC học sinh làm việc cá nhân đặt câu ghép và xác định vế câu ghép.  - Yêu cầu HS làm cá nhân vào vở sau đó chia sẻ trước lớp.  - GV chụp bài HS và chiếu để lớp nhận xét  - GV đưa ra các tiêu chí để HS nhận xét:  + Đoạn văn viết đúng chủ đề: phương tiện đi lại của người dân vùng sông nước.  + Các câu trong đoạn văn liên kết với nhau bằng từ ngữ nối.  + Đủ số lượng: 4 – 5 câu  - GV mời một số HS đọc đoạn văn, nêu các từ ngữ nối và các các cách liên kết câu khác (nếu có).  - GV nhận xét cá nhân HS và lớp, tuyên dương những HS biết cách liên kết câu trong đoạn văn đã viết. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  - Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.  Đáp án:    - Các nhóm trình bày  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS đọc yêu cầu bài tập  - HS thực hiện theo nhóm vào phiếu lớn  - Đại diện nhóm trình bày kết quả  + Ngày xửa ngày xưa ở một nhà kia có hai anh em, cha mẹ mất sớm. **Hai anh em** chăm lo làm lụng nên trong nhà cũng đủ ăn. **Nhưng** từ khi có vợ, người anh sinh ra lười biếng, bao nhiêu công việc khó nhọc đều trút cho vợ chồng người em. **Hai vợ chồng** **người em** thức khuya, dậy sớm, cố gắng làm lụng. Thấy thế, **người anh** sợ em tranh công, liền bàn với vợ cho hai vợ chồng người em ra ở riêng.  - HS nhận xét  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  + Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ và bằng từ ngữ nối  + Lặp từ ngữ: hai anh em, hai vợ chồng  + Từ ngữ nối: nhưng  - HS lắng nghe  - HS đọc yêu cầu bài  - HS làm bài cá nhân.  - Chia sẻ bài làm trước lớp.  - HS nhận xét bài của mình và của bạn theo các tiêu chí GV đưa ra.  - Lắng nghe |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “**Ai nhanh, ai đúng? “**  Câu 1. Các câu sau liên kết bằng cách lặp từ ngữ.  *Lớp Minh có thêm học sinh mới. Đó là một bạn gái có cái tên rất ngộ: Thi Ca.*  *A. Đúng B. Sai*  Câu 2. Các câu sau liên kết với nhau bằng cách nào?  Cô giáo xếp Thi Ca ngồi ngay cạnh Minh. Minh tò mò ngó mái tóc xù lông nhím của bạn ấy, định bụng làm quen với “người hàng xóm mới” thật vui vẻ.  A. Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ  B. Liên kết câu bằng từ ngữ nối  C. Liên kết câu bằng từ ngữ thay thế  D. Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ và thay thế từ ngữ.  - Yêu cầu HS nêu cụ thể cách liên kết câu trong đoạn văn ở bài tập 2.  - Nhận xét tổng kết trò chơi và đánh giá tiết học  - Dặn dò bài về nhà. | - HS chơi trò chơi.  - Đáp Án  + Câu 1: B  + Câu 2: D  - HS trả lời  - Lắng nghe |
| **V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** | |